TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TH** **TỈNH TH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **515**/2019/HS-ST
Ngày: 30/9/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TH, TỈNHTH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Xuân Thiêm

2. Bà Trần Kim Liên

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TH

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH tham gia phiên toà: Bà Hà Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 511/2019/TLST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 526/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Phạm Văn T - tên gọi khác: Không; sinh năm 1988 tại NB; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn X, xã G, huyện N, tỉnh N; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 3/12; Con ông Phạm Văn T1, sinh năm 1953 và con bà Đinh Thị T2 (đã chết); Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không;

Tiền sự: Tại Quyết định số 07/QĐ - XPVPHC ngày 18/3/2019 Công an xã G huyện N xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, mức phạt 1.000.000đ, đã chấp hành xong ngày 18/3/2019.

Nhân thân:

+ Tại Quyết định số 55 ngày 17/5/2016 Công an pH P, thành phố N xử phạt vi phạm hành chính 750.000đ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đã chấp hành xong ngày 03/6/2016.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh TH từ ngày 27/6/2019 cho đến nay. *(Có mặt tại phiên tòa)*

- Bị hại:

1. Chị Dương Thị Thu H, sinh năm 1990 - trú tại xóm Y, xã T, huyện Đ, tỉnhTH (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Văn Q, sinh năm 1970 – trú tại tổ X, pH B, thị xã P (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn T thuê phòng trọ cùng khu trọ ở tổ Z, pH TĐ, thành phố TH với chị Dương Thị Thu H (sinh năm 1990 - trú tại xóm Y, xã T, huyện Đ). Khoảng 0 giờ ngày 26/6/2019, T tỉnh ngủ ra ngoài sân phòng trọ ngồi hút thuốc lào thì thấy 01 chiếc xe môtô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu sơn đỏ - đen, BKS 20F1 -203.21 của chị H dựng trước phòng trọ của chị H. Quan sát xung quanh không có ai, T nảy sinh ý định trộm chiếc xe trên mang đi bán lấy tiền tiêu sài cá nhân.T liền đi vào phòng lấy 01 chiếc nhíp bằng kim loại màu bạc dài khoảng 09cm đi đến chiếc xe môtô của chị H, dùng hai tay bẻ cong hai lưỡi của nhíp rồi đút một lưỡi nhíp vào trong ổ khóa điện xe môtô. T dùng tay cầm nhíp lay vặn một lúc thấy đèn báo sáng, T rút nhíp ra cho vào túi quần rồi dắt chiếc xe môtô của H đi ra phía cổng của xóm trọ. Sau đó T tiếp tục dùng nhíp trên đưa vào ổ khóa cốp xe vặn mở ra, kiểm tra thấy có 01 ví giả da màu đỏ hiệu MICHAEL KORS bên trong có 01 đăng ký xe số 019815; 01 giấy phép lái xe A1 số 191131000853; 02 giấy chứng nhận bảo hiểm xe môtô (bắt buộc và không bắt buộc); 01 thẻ bảo hiểm ytế; 01 thẻ ATM của Ngân hàng BIDV số 9704 1800 1564 7779; 01 thẻ ATM của Ngân hàng Agribank số 9704 0506 3440 4177 đều mang tên Dương Thị Thu H; 01 thẻ Vin ID mang số8888 20063821 0471 và 01 thẻ ytế mang tên Vũ Thị Mai L. T để lại chiếc ví vào cốp xe, ngồi lên xe nổ máy điều khiển xe đến khu vực phía sau Bệnh viện A TH cất giấu xe vào bụi cây rồi đi bộ về phòng trọ ngủ. Đến khoảng 06 giờ 30 phút cùng ngày, T đi đến chỗ cất giấu chiếc xe trên, lấy xe rồi điều khiển xuống cửa hàng mua bán xe máy cũ của vợ chồng ông Lê Văn Q bán chiếc xe trên được 9.500.000đ kèm theo 01 đăng ký xe và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc đều mang tên Dương Thị Thu H cho anh Q. Bán xong, T bắt TAXI về thành phố TH tiêu sài hết 5.400.000đ. Còn lại 4.100.000đ T chưa sử dụng.

Sau khi bị mất tài sản, chị Dương Thị Thu H đã làm đơn trình báo Công an pH TĐ, thành phố TH để giải quyết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số181/HĐĐGTS ngày 01/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố TH kết luận:

- 01 (một) chiếc xe môtô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu sơn đỏ - đen, BKS 20F1 -203.21, số khung Y089753, số máy 5C6K089753 xe đã qua sử dụng. Đinh giá10.000.000đ.

- 01(một) chiếc ví giả da màu đỏ hiệu MICHAEL KORS có chiều dài là 20cm, chiều rộng 10cm đã qua sử dụng. Định giá 50.000đ.

Tổng giá trị tài sản 10.050.000đ*(Mười triệu không trăm năm mươi nghìn đồng)*

Bị hại là chị Dương Thị Thu H trình bày: Khoảng 22 giờ ngày 25/6/2019 khi đi làm về tôi có để chiếc xe môtô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu sơn đỏ - đen, BKS 20F1 -203.21 của tôi ở trước cửa phòng trọ. Đến sáng ngày 26/6/2019 thì phát hiện

bị mất xe và toàn bộ giấy tờ xe ở trong cốp xe. Tôi đã nhận lại xe môtô và các giấy tờ cá nhân, tôi không có yêu cầu gì khác.

Ông Lê Văn Q trình bày: Sáng ngày 26/6/2019, gia đình tôi có mua của bị cáo T chiếc xe môtô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 20F1-203.21 màu sơn đỏ - đen với giá 9.500.000đ, khi mua không biết đó là xe do T trộm cắp được mà có. Số tiền trên, cơ quan điều tra đã trả lại cho gia đình tôi 4.100.000đ, số tiền lại tôi yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Vật chứng của vụ án:

- 01 chiếc nhíp bằng kim loại màu bạc dài khoảng 09cm đã qua sử dụng.

- 01 chiếc xe môtô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu sơn đỏ - đen, BKS 20F1 - 203.21, số khung Y089753, số máy 5C6K089753 xe đã qua sử dụng; 01 chiếc ví giả da màu đỏ hiệu MICHAEL KORS có chiều dài là 20cm, chiều rộng 10cm đã qua sử dụng; 01 đăng ký xe số 019815; 01 giấy phép lái xe A1 số 191131000853; 02 giấy chứng nhận bảo hiểm xe môtô (bắt buộc và không bắt buộc); 01 thẻ bảo hiểm ytế; 01 thẻ ATM của Ngân hàng BIDV số 9704 1800 1564 7779; 01 thẻ ATM của Ngân hàng Agribank số 9704 0506 3440 4177 đều mang tên Dương Thị Thu H; 01 thẻ Vin ID mang số8888 20063821 0471 và 01 thẻ ytế mang tên Vũ Thị Mai L. Số tài sản hiện đã được thu hồi và trả lại cho chị Dương Thị Thu H quản lý và sử dụng. Chị H không yêu cầu đề nghị gì khác.

- Thu giữ của T số tiền 4.100.000đ do T bán chiếc xe môtô của chị H trả lại cho anh Q quản lý, sử dụng. Anh Q yêu cầu T bồi thường số tiền 5.400.000đ do anh Q bỏ ra mua xe môtô trên.

Cáo trạng số 505/CT -VKSTPTN ngày 05 tháng 9 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH đã truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác thu thập được trong quá trình điều tra.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá T chất, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Phạm Văn T về tội "Trộm cắp tài sản". Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 12 đến 15 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Buộc bị cáo bồi thường cho ông Lê Văn Q 5.400.000đ

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo không tranh luận, thừa nhận việc truy tố và xét xử bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" là không oan, đúng người, đúng tội.

Phần lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an,cơ quan Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên thành phố TH trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người bị hại là chị Dương Thị Thu H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố, lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên toà hôm nay là hoàn toàn tự nguyện, khách quan và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, vật chứng thu giữ, đơn trình báo, lời khai của người bị hại, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác đã thu thập được trong quá trình điều tra. Như vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định:

Để có tiền tiêu sài cá nhân, lợi dụng sự sơ hở mất cảnh giác của bị hại. Khoảng 0 giờ 0 phút ngày 26/6/2019 tại khu vực tổ Z, phường TĐ, thành phố TH, Phạm Văn T có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của chị Dương Thị Thu H gồm 01 chiếc xe môtô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu sơn đỏ - đen, BKS 20F1 -203.21đã qua sử dụng, 01 chiếc ví giả da màu đỏ hiệu MICHAEL KORS đã qua sử dụng bên trong có 01 đăng ký xe số 019815; 01 giấy phép lái xe A1 số 191131000853; 02 giấy chứng nhận bảo hiểm xe môtô (bắt buộc và không bắt buộc; 01 thẻ bảo hiểm ytế; 01 thẻ ATM của Ngân hàng BIDV số 9704 1800 1564 7779; 01 thẻ ATM của Ngân hàng Agribank số 9704 0506 3440 4177 đều mang tên Dương Thị Thu H; 01 thẻ Vin ID mang số8888 20063821 0471 và 01 thẻ ytế mang tên Vũ Thị Mai L. Tổng giá trị tài sản tại bản kết luận định giá tài sản số 181/HĐĐGTS ngày 01/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố TH là 10.050.000đ *(Mười triệu không trăm năm mươi nghìn đồng)*. Sau khi trộm cắp, bị cáo đem bán cho vợ chồng ông Lê Văn Q và bà Nguyễn Thị P được 9.500.000đ *(Chín triệu năm trăm nghìn đồng)*. Hiện số tài sản trên đã được thu hồi trả lại cho chị H quản lý, sử dụng. Số tiền 9.500.000đ bị cáo đã sử dụng tiêu sài cá nhân 5.400.000đ, số tiền còn lại 4.100.000đ đã thu hồi và trả lại cho ông Lê Văn Q. Ông Lê Văn Q yêu cầu bị cáo trả số tiền 5.400.000đ.

Với hành vi trên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH đã truy tố bị cáo về tội: "*Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

Nội dung điều luật quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...".

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi: Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự và làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, vì vậy cần phải được xử lý bằng pháp luật hình sự.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên bị cáo là người có nhân thân xấu, đã bị xử phạt hành chính về hành vi cố ý nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm tội. Xét cần thiết xét xử bị cáo một mức án nghiêm và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

Mức án mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng"* do đó bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung bằng hình phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa xác định bị cáo là người lao động không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng, do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng của vụ án:

- 01 chiếc nhíp bằng kim loại màu bạc dài khoảng 09 cm đã qua sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 chiếc xe môtô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu sơn đỏ - đen, BKS 20F1 - 203.21 xe đã qua sử dụng; 01 chiếc ví giả da màu đỏ hiệu MICHAEL KORS có chiều dài là 20cm, chiều rộng 10cm đã qua sử dụng; 01 đăng ký xe số 019815; 01 giấy phép lái xe A1 số 191131000853; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe môtô (bắt buộc và không bắt buộc; 01 thẻ bảo hiểm ytế; 01 thẻ ATM của Ngân hàng BIDV số 9704 1800 1564 7779; 01 thẻ ATM của Ngân hàng Agribank số 9704 0506 3440 4177 đều mang tên Dương Thị Thu H; 01 thẻ Vin ID mang số 8888200638210471 và 01 thẻ y tế mang tên Vũ Thị Mai L đã được thu hồi trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu H quản lý và sử dụng.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Toàn bộ số tài sản bị cáo trộm cắp được của chị Dương Thị Thu H đã được thu hồi. Quá trình điều tra chị H đã nhận lại tài sản trên và không có yêu cầu gì khác. Hội đồng xét xử không xem xét.

- Ông Lê Văn Q là người đã mua tài sản của bị cáo T với giá 9.500.000đ. Cơ quan điều tra đã thu hồi được số tiền 4.100.000đ và đã trả lại cho ông Q. Ông Q yêu cầu bị cáoT phải bồi thường số tiền 5.400.000đ, Bị cáo T nhất trí bồi thường. Hội đồng xét xử ghi nhận việc bồi thường của bị cáo.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Đối với Lê Văn Q là người mua chiếc xe môtô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu sơn đỏ - đen, BKS 20F1 -203.21, nhưng khi mua chiếc xe trên Q, P không biết đó là tài sản do Phạm Văn T phạm tội mà có, nên cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn T 15*(Mười lăm)* tháng tù. Thời hạn tù T từ ngày 27/6/2019.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc nhíp bằng kim loại màu bạc dài 09 cm.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận số 526 ngày 05/9/2019giữa Công an thành phố TH với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TH)

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS năm 2015; Điều 357, 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự: Bị cáo Phạm Văn T có trách nhiệm bồi thường cho ông Lê Văn Q – cư trú tại tổ X, phường B, thị xã P số tiền 5.400.000*(Năm triệu bốn trăm nghìn đồng)*.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, Điều 468 BLDS năm 2015, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật thi hành án dân

sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước.

Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TH;
- VKSND tỉnh TH;
- VKSND thành phố TH;
- Công an thành phố TH;
- Chi cục THADSTPTH;
- Sở tư pháp tỉnh TH;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Thanh Trúc